TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **19**/2022/HS-ST
Ngày 09/3/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Vượng

2. Ông Nguyễn Văn Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 09 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 164/2021/TLST-HS, ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/HSST-QĐ ngày 19/01/2022, số 03/2022/HSST-QĐ ngày 26/01/2022; thông báo thay đổi thời gian xét xử số 01/2022/TB ngày 14/02/2022, số 04/2022/TB ngày 21/02/2022 đối với các bị cáo:

1. Phạm Ngọc T, sinh ngày 06/9/1992 tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Trú tại: Thôn T, xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Phạm Văn B, sinh năm 1963 và bà: Lương Thị T, sinh năm 1968; Anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là thứ ba; Vợ: Huyên Thị B, sinh năm 1992; Con: có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/9/2021 đến ngày 27/10/2021. Hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Trần Văn Th, sinh ngày 11/11/1970 tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Dân tộc: Cao lan; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 07/10; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Văn C, sinh năm 1935 (đã chết) và bà: Phạm Thị V, sinh năm 1932 (đã chết); Anh chị em ruột: có 04

người, bị cáo là thứ ba; Vợ: Đỗ Thị H, sinh năm 1972 (đã ly hôn); Con: có 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/9/2021 đến ngày 27/10/2021. Hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Dương Văn L, sinh ngày 18/11/1983 tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Dân tộc: Cao lan; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 11/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Dương Văn H, sinh năm 1963 và bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1964; Anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo là thứ nhất; Vợ: Lê Thị M, sinh năm 1985; Con: có 03 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không.

* Nhân thân: - Bản án số 136/2013/HSST ngày 19/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xử phạt Dương Văn L 12 tháng Cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc. Ngày 13/10/2015 chấp hành xong toàn bộ bản án.

- Bản án số 125/2015/HSST ngày 21/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xử phạt Dương Văn L 03 tháng tù, phạt tiền 3.000.000 đồng về tội Đánh bạc (ngày 12/10/2015). Chấp hành xong toàn bộ Bản án ngày 27/6/2018.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/9/2021 đến ngày 27/10/2021. Hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Trần Quốc H, sinh ngày 19/5/1982 tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Trú tại: Thôn L, xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Dân tộc: Sán dìu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Đức T, sinh năm 1956 và bà: Đỗ Thị L (đã chết); Anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo là thứ hai; Vợ: Trần Thị H, sinh năm 1984; Con: có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không.

* Nhân thân: - Bản án số 95/2018/HSST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xử phạt Trần Quốc H 06 tháng Cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc. Chấp hành xong toàn bộ Bản án ngày 17/7/2019.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 187/QĐ-XPHC ngày 23/5/2018 của Công an huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc phạt 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc ngày 25/12/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/9/2021 đến ngày 29/10/2021. Hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Trần Văn T1, sinh ngày 05/8/1985 tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Dân tộc: Cao lan; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 04/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Văn N, sinh năm 1963 và bà: Dương Thị B, sinh năm 1965; Anh chị em ruột: có 02 người, bị cáo là thứ hai; Vợ: Trần Thị N, sinh năm 1984; Con: có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không;

* Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 126/QĐ-XPHC ngày 04/8/2016 của Trưởng phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang phạt Trần Văn T1 1.750.000 đồng về hành vi Đánh bạc.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/9/2021 đến ngày 27/10/2021. Hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Lại Hồng Q, sinh ngày 01/10/1986 tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Trú tại: Thôn T, xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Dân tộc: Sán dìu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 03/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Lại Thắng H, sinh năm 1945 (đã chết) và bà: Hoàng Thị C, sinh năm 1942; Anh chị em ruột: có 10 người, bị cáo là thứ tám; Vợ: Phạm Thị P, sinh năm 1987; Con: có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/9/2021 đến ngày 27/10/2021. Hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

7. Đỗ Văn H1, sinh ngày 26/01/1986 tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Trú tại: Thôn L, xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Dân tộc: Sán dìu; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 04/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Đỗ Văn P, sinh năm 1966 và bà: Trần Thị V, sinh năm 1967; Anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là thứ nhất; Vợ: Lục Kim L, sinh năm 1989; Con: có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012; Tiền sự: Không;

* Tiền án: Bản án số 122/2019/HSST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xử phạt 06 tháng tù về tội Đánh bạc. Chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 27/7/2020.

* Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 148 ngày 15/7/2016 của Công an huyện Sơn Dương xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc (theo Bản án số 17/2016/HSST ngày 16/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương áp dụng khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015, khoản 1 Điều 25 BLHS năm 1999 miễn trách nhiệm hình sự cho Đỗ Văn H về hành vi đánh bạc).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/9/2021 đến ngày 27/10/2021. Hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

8. Nguyễn Hữu Th1, sinh ngày 24/4/1982 tại huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn B, sinh năm 1936 và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1940 (đã chết); Anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo là thứ tư; Vợ: Phạm Thị H, sinh năm 1991; Con: có 01 con sinh năm 2017; Tiền sự: Không.

* Tiền án: Bản án số 29/2012/HS-ST ngày 25/5/2012 của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt tiền 10.000.000 đồng về tội đánh bạc. Ngày 01/11/2021, chấp hành xong toàn bộ Bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/9/2021 đến ngày 27/10/2021. Hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn C, sinh năm 1986, trú tại thôn C, xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978, trú tại thôn S, xã Q, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 21/9/2021, Trần Quốc H, trú tại thôn L, Đỗ Văn H1, trú tại thôn L cùng xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; Trần Văn Th, Trần Văn T1, Dương Văn L cùng trú tại thôn C, xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đến nhà Phạm Ngọc T tại thôn T, xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang chơi và rủ nhau đánh bạc dưới hình thức chơi xóc đĩa, được thua bằng tiền. Khi đó, Nguyễn Hữu Th1, ĐKHKTT thôn H, xã Đ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc (là anh rể của T. Hiện ở cùng với vợ tại thôn T, xã S, huyện Sơn Dương) đến chơi. Sau đó có người hỏi Th1 cho mượn phòng để đánh bạc (không xác định được ai là người hỏi mượn phòng) thì Th1 nói "Cho mượn một tí cũng được" ý nói để đánh bạc. T đồng ý cho các đối tượng đánh bạc tại phòng ngủ trong nhà T. Để có tiền đánh bạc, Th cầm cố chiếc xe mô tô Honda Wave Anpha, biển số 22S1-355.xx của Th cho T với số tiền 5.000.000 đồng nhưng T đưa Th 4.700.000 đồng, lấy lãi 300.000 đồng. L cầm cố chiếc xe mô tô Honda Wave Anpha, màu đỏ, không gắn biển số cho T được số tiền 5.000.000 đồng (Xe của Trần Văn C, sinh năm 1986, trú tại thôn C, xã Đ, huyện Sơn Dương gửi tại nhà Nguyễn Văn T, trú tại thôn S, xã Q, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc). H hỏi vay tiền của T để đánh bạc, T đưa cho H vay 4.700.000 đồng. Th là người cắt 04 quân bạc hình tròn, một mặt trắng, một mặt màu vàng từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long. H1 là người lấy bát sứ, đĩa sứ từ trong bếp nhà T để làm dụng cụ đánh bạc.

Hình thức đánh bạc: Sử dụng 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 quân bạc làm bằng vỏ bao thuốc lá Thăng Long. Th là người xóc cái, cho 04 quân bạc vào đĩa rồi úp chiếc bát lên xóc làm thay đổi các mặt của quân bạc rồi đặt xuống chiếu bạc. Những người tham gia đánh bạc sẽ đặt cược tiền theo các cửa chẵn và lẻ, mức đặt cược thấp nhất là 100.000 đồng/ván, ai cao hơn thì tùy. Thống nhất bên tay phải người xóc cái là cửa chẵn, bên tay trái là cửa lẻ. Tỷ lệ thắng thua là 1:1. Khi mở bát ra có 03 quân ngửa cùng màu là lẻ; 02 quân hoặc 04 quân cùng màu là chẵn. Người thắng bạc là người đặt cửa trùng với số quân bài chẵn hoặc lẻ.

Những người tham gia đánh bạc gồm có: Th, H1, L, H, T1. Quá trình đánh bạc, L, H, Th, T1 mỗi người đưa cho Th1 100.000 đồng tiền hồ để đưa cho T (Th1 không tham gia đánh bạc). Th1 gọi điện thoại cho T nói về việc Th1 đã cầm 400.000 đồng tiền hồ mọi người đưa trả cho T. T đồng ý. L đánh bạc thắng đưa cho Th1 5.000.000 đồng để trả nợ tiền cầm cố xe mô tô cho T. Lúc này Th thua bạc nên chuyển cho T1 xóc cái. Th hỏi Th1 cho vay 5.000.000 đồng (số tiền L vừa trả). Th1 gọi điện thoại cho T nói việc Th hỏi vay 5.000.000 đồng để đánh bạc. T đồng ý bảo Th1 cho Th vay 5.000.000 đồng, lấy lãi 300.000 đồng, nên Th1 đưa cho Th 4.700.000 đồng. Sau đó, H đánh bạc thắng đưa cho Th1 4.700.000 đồng để trả nợ cho T tiền vay đánh bạc. Th1 cầm tiền, mở cửa ra ngoài đưa cho T 4.700.000 đồng. Khoảng 17 giờ cùng ngày, Lại Hồng Q, trú tại thôn T, xã S đến hỏi T để vào tham gia đánh bạc. T gọi điện cho Th1 mở cửa cho Q vào đánh bạc. Khi đánh bạc, Q đưa cho Th1 200.000 đồng tiền hồ.

Hồi 17 giờ 15 phút cùng ngày, Tổ công tác của Cơ quan CSĐT Công an huyện Sơn Dương tiến hành kiểm tra trong phòng ngủ nhà của T phát hiện H, L, H1, T1, Th, Q đang đánh bạc. Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 chiếu cói, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ. L lấy từ trong túi quần bên trái giao nộp 04 quân bạc hình tròn có một mặt vàng, một mặt trắng, 150.000 đồng và 01 ví giả da bên trong có 7.660.000 đồng; H giao nộp 100.000 đồng; Th giao nộp số tiền 4.300.000 đồng; T1 giao nộp 1.000.000 đồng; H1 giao nộp 50.000 đồng; Q giao nộp 700.000 đồng; Th1 giao nộp 900.000 đồng.

Quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận đã sử dụng số tiền vào việc đánh bạc là **22.250.000** đồng, cụ thể như sau:

- Trần Văn Th có ***9.400.000*** đồng (Trong đó cầm cố xe cho T được 4.700.000 đồng; vay T 5.000.000 đồng nhưng Th1 chỉ đưa 4.700.000 đồng), nộp tiền hồ 100.000 đồng, còn lại sử dụng vào việc đánh bạc. Khi bị phát hiện, thua bạc, giao nộp số tiền 4.300.000 đồng.

- Dương Văn L có ***5.000.000*** đồng (Cầm cố xe cho T), nộp tiền hồ 100.000 đồng. L thắng bạc trả cho T 5.000.000 đồng (trả qua Th1), số còn lại sử dụng vào việc đánh bạc. Khi bị phát hiện, thắng bạc, giao nộp số tiền 150.000 đồng.

- Trần Quốc H có ***4.800.000*** đồng (Có 100.000 đồng và vay của T 4.700.000 đồng), nộp tiền hồ 100.000 đồng. H thắng bạc trả cho T 4.700.000 đồng (trả qua Th1), cho H1 100.000 đồng, số còn lại sử dụng vào việc đánh bạc. Khi bị phát hiện, thắng bạc, giao nộp số tiền 100.000 đồng.

- Trần Văn T1 có ***2.300.000*** đồng, nộp tiền hồ 100.000 đồng. Khi bị phát hiện, thua bạc, giao nộp số tiền 1.000.000 đồng.

- Lại Hồng Q có ***600.000*** đồng, nộp tiền hồ 200.000 đồng, số còn lại sử dụng vào việc đánh bạc. Khi bị phát hiện, thắng bạc, giao nộp số tiền 700.000đồng.

- Đỗ Văn H1 có ***150.000*** đồng sử dụng vào việc đánh bạc (Có 50.000 đồng, H cho 100.000 đồng), không nộp tiền hồ. Khi bị phát hiện, thua bạc, giao nộp số tiền 50.000 đồng.

Tổng số tiền T cho Th, L, H vay là **19.700.000** đồng.

Nguyễn Hữu Th1 thu tiền hồ được **600.000** đồng; cho Th vay tiền, thu lãi được **300.000** đồng. Th1 đã giao nộp số tiền 900.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 128/CT-VKSSD, ngày 30 tháng 12 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố: Trần Văn Th, Dương Văn L, Trần Quốc H, Trần Văn T1, Lại Hồng Q, Đỗ Văn H1 về tội Đánh bạc theo khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự; truy tố Phạm Ngọc T về tội Gá bạc theo điểm c, khoản 1, Điều 322 Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Hữu Th1 về tội Gá bạc theo điểm c, điểm đ, khoản 1, Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo tội danh, điều luật đã nêu trong cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố các bị cáo Trần Văn Th, Dương Văn L, Trần Quốc H, Trần Văn T1, Lại Hồng Q, Đỗ Văn

H1 phạm tội "Đánh bạc"; các bị cáo Phạm Ngọc T, Nguyễn Hữu Th1 phạm tội "Gá bạc";

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

1. Xử phạt bị cáo Trần Văn Th từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Quốc H;

2. Xử phạt bị cáo Dương Văn L từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng.

3. Xử phạt bị cáo Trần Quốc H từ 09 tháng đến 01 năm tù cho hưởng án treo, thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lại Hồng Q;

4. Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 từ 07 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 08 tháng.

5. Xử phạt bị cáo Lại Hồng Q từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; đoạn 1, điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

6. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn H1 từ 07 tháng đến 10 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Trừ cho bị cáo thời hạn tạm giam từ ngày 23/9/2021 đến ngày 27/10/2021.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

7. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm.

- Căn cứ điểm c, điểm đ khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

8. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Th1 từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Trừ cho bị cáo thời hạn tạm giam từ ngày 23/9/2021 đến ngày 27/10/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu sung quỹ nhà nước 7.200.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam là số tiền các đối tượng tự nguyện giao nộp sử dụng đánh bạc. Tịch thu, tiêu hủy 01 bát sứ màu trắng có họa tiết màu tím; 01 đĩa sứ có họa tiết màu hồng; 04 vật hình tròn bằng giấy, đường kính 02cm, một mặt màu trắng, một mặt màu vàng; 01 chiếc chiếu cói. Trả lại cho bị cáo Dương Văn L 01 ví giả da màu đen bên trong có 7.660.000 đồng nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án. Trả lại cho bị cáo Trần Văn Th 01 xe mô tô Honda Wave, màu đen bạc, biển số

đăng ký 22S1-355.xx nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án. Trả lại cho ông Nguyễn Văn T 01 xe mô tô Honda Wave alpha, màu đỏ đen bạc, không gắn biển số, số khung RLHJA3924LY0494xx, số máy JA39E20522xx. Truy thu của bị cáo Phạm Ngọc T số tiền 300.000 đồng do Gá bạc.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo đều nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tham gia tranh luận gì. Lời nói sau cùng các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Ngoài lời khai nhận của các bị cáo, hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng biên bản xác minh nguồn tin về tội phạm, tang vật thu giữ, biên bản, sơ đồ, bản ảnh khám nghiệm hiện trường và toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ trên đã có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ 15 giờ đến 17 giờ 15 phút ngày 21/9/2021, tại nhà của Phạm Ngọc T, thuộc thôn T, xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Trần Văn Th, Dương Văn L, Trần Quốc H, Trần Văn T1, Lại Hồng Q, Đỗ Văn H1 đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, được thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là **22.250.000** đồng (Trong đó: Th có 9.400.000 đồng, L có 5.000.000 đồng, H có 4.800.000 đồng, T1 có 2.300.000 đồng, Q có 600.000 đồng, H1 có 150.000 đồng). Phạm Ngọc T là người cho mượn địa điểm thuộc quyền sở hữu, quản lý của mình; cho mượn bát, đĩa làm dụng cụ đánh bạc và nhận cầm cố tài sản thu lợi 300.000 đồng, cho vay tiền để đánh bạc, thu tiền hồ được 600.000 đồng, cho vay tiền thu lãi 300.000 đồng. Nguyễn Hữu Th1 không tham gia đánh bạc nhưng là người giúp sức cho Phạm Ngọc T trong việc thu tiền hồ, cho vay tiền đánh bạc và thu tiền lãi hộ cho T (đồng phạm với T tội Gá bạc).

Hành vi của các bị cáo Trần Văn Th, Dương Văn L, Trần Quốc H, Trần Văn T1, Lại Hồng Q, Đỗ Văn H1 đã phạm vào tội Đánh bạc, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự; Hành vi của các bị cáo Phạm Ngọc T, Nguyễn Hữu Th1 đã phạm vào tội Gá bạc, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 322 Bộ luật Hình sự;

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an chung tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và là một

trong những nguyên nhân thường dẫn đến các tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức việc đánh bạc, gá bạc là vi phạm pháp luật nhưng vì lợi ích trước mắt, tin vào sự may rủi nên các bị cáo đã thực hiện đánh bạc, gá bạc sát phạt nhau để thu lời bất chính. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi của từng bị cáo để giáo dục cải tạo các bị cáo, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung. Mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[2] Vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này, vai trò của các bị cáo được thể hiện là đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo cụ thể như sau:

Bị cáo Trần Văn Th tham gia đánh bạc với số tiền lớn nhất 9.400.000 đồng, là người cắt 04 quân bạc làm dụng cụ đánh bạc nên xác định bị cáo có vai trò cao nhất trong vụ án.

Bị cáo Phạm Ngọc T, Nguyễn Hữu Th1 tuy không tham gia đánh bạc nhưng T cho mượn địa điểm thuộc quyền sở hữu, quản lý của mình để các bị cáo khác đánh bạc, cho mượn bát đĩa làm dụng cụ đánh bạc và nhận cầm cố tài sản thu lời bất chính, cho vay tiền để đánh bạc, thu tiền hồ. Bị cáo Th1 là người giúp sức tích cực cho bị cáo T trong việc thu tiền hồ, cho vay tiền đánh bạc và thu tiền lãi cho T. Ngoài ra, bị cáo Th1 có 01 tiền án về tội đánh bạc, chưa được xóa án tích. Các bị cáo T, Th1 phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Bị cáo Dương Văn L tham gia đánh bạc số tiền 5.000.000 đồng; bị cáo Trần Quốc H tham gia đánh bạc số tiền 4.800.000 đồng; bị cáo Trần Văn T1 tham gia đánh bạc số tiền 2.300.000 đồng; bị cáo Lại Hồng Q tham gia đánh bạc số tiền 600.000 đồng. Nên khi quyết định hình phạt cần xem xét vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của từng bị cáo để lên mức án cho phù hợp.

Bị cáo Đỗ Văn H1 tham gia đánh bạc với số tiền 150.000 đồng, ít nhất so với các bị cáo khác, tuy nhiên bị cáo có 01 tiền án về tội đánh bạc, chưa được xóa án tích; bị cáo là người lấy bát sứ, đĩa sứ để làm dụng cụ đánh bạc nên cũng phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

Xét các bị cáo Trần Văn Th, Phạm Ngọc T, Dương Văn L, Trần Quốc H, Trần Văn T1, Lại Hồng Q đều có nơi cư trú rõ ràng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, không có tiền án, tiền sự. Các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù có thời hạn mà cho các bị cáo Trần Văn Th, Phạm Ngọc T, Dương Văn L, Trần Quốc H, Trần Văn T1, Lại Hồng Q được hưởng án treo cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo.

Mặc dù các bị cáo Nguyễn Hữu Th1, Đỗ Văn H1 có vai trò thấp trong vụ án. Nhưng các bị cáo đều có tiền án về tội đánh bạc. Các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng cho bản thân mà tiếp tục phạm tội. Vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Đỗ Văn H1 phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại đoạn 1, điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo còn lại không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo Trần Văn Th, Trần Văn T1, Lại Hồng Q phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Trần Quốc H, Lại Hồng Q là người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm; bị cáo Phạm Ngọc T được Chính ủy Sư đoàn 316 tặng danh hiệu Chiến sĩ tiên tiến đã có thành tích tốt trong thực hiện phong trào thi đua Quyết thắng năm 2012; bị cáo Trần Quốc H có bác ruột Trần Hồng Đ là liệt sĩ; bị cáo Nguyễn Hữu Th1 có bố đẻ là ông Nguyễn Văn B được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo Dương Văn L có đơn xin cải tạo tại địa phương và có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, điểm i, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng khi quyết định hình phạt cho các bị cáo.

[4] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình điều tra và truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, thu thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp. Vì vậy, các chứng cứ có trong hồ sơ đều được thu thập theo trình tự tố tụng và hợp pháp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn và không có tài sản gì riêng có giá trị nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Sơn Dương thu giữ: 7.200.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam là số tiền các đối tượng tự nguyện giao nộp sử dụng đánh bạc; 01 bát sứ màu trắng có họa tiết màu tím; 01 đĩa sứ có họa tiết màu hồng; 04 vật hình tròn bằng giấy, đường kính 02cm, một mặt màu trắng, một mặt màu vàng; 01 chiếc chiếu cói; 01 ví giả da màu đen bên trong có 7.660.000 đồng (Dương Văn L giao nộp); 01 xe mô tô Honda Wave, màu đen bạc, biển số đăng ký 22S1-355.xx; 01 xe mô tô Honda Wave alpha, màu đỏ đen bạc, không gắn biển số, số khung RLHJA3924LY0494xx, số máy JA39E20522xx.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với 01 bát sứ màu trắng có họa tiết màu tím; 01 đĩa sứ có họa tiết màu hồng; 04 vật hình tròn bằng giấy, đường kính 02cm, một mặt màu trắng, một mặt màu vàng; 01 chiếc chiếu cói. Xác định đây là công cụ, phương tiện phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô Honda Wave, màu đen bạc, biển số đăng ký 22S1-355.xx của bị cáo Th xác định bị cáo thường xuyên sử dụng vào việc đi lại, phục

vụ cho bản thân nên cần tuyên trả cho bị cáo nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 xe mô tô Honda Wave alpha, màu đỏ đen bạc, không gắn biển số, số khung RLHJA3924LY0494xx, số máy JA39E20522xx bị cáo L cầm cố cho bị cáo T để đánh bạc. Xác định chiếc xe trên là xe của ông Trần Văn C giao cho ông Nguyễn Văn T quản lý, nên cần trả lại chiếc xe trên cho ông Nguyễn Văn T.

Đối với số tiền 7.200.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 ví giả da màu đen bên trong có 7.660.000 đồng (Dương Văn L giao nộp). Xác định không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo L nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Cần truy thu của bị cáo Phạm Ngọc T số tiền 300.000 đồng, đây là số tiền bị cáo nhận cầm cố tài sản của bị cáo Th để thu lời bất chính.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn Th, Dương Văn L, Trần Quốc H, Trần Văn T1, Lại Hồng Q, Đỗ Văn H1 phạm tội "Đánh bạc". Các bị cáo Phạm Ngọc T, Nguyễn Hữu Th1 phạm tội "Gá bạc";

II. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

1. Xử phạt bị cáo **Trần Văn Th 01 (một)** năm **03 (ba)** tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **02 (hai)** năm **06 (sáu)** tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/3/2022).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Quốc H;

2. Xử phạt bị cáo **Dương Văn L 01 (một)** năm tù cho hưởng án treo, thử thách **02 (hai)** năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/3/2022).

3. Xử phạt bị cáo **Trần Quốc H 11 (mười một)** tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **01 (một)** năm **10 (mười)** tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/3/2022).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lại Hồng Q;

4. Xử phạt bị cáo **Trần Văn T1 09 (chín)** tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **01 (một)** năm **06 (sáu)** tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/3/2022).

5. Xử phạt bị cáo **Lại Hồng Q 06 (sáu)** tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **01 (một)** năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/3/2022).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; đoạn 1, điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

6. Xử phạt bị cáo **Đỗ Văn H1 07 (bảy)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Trừ cho bị cáo thời hạn tạm giam từ ngày 23/9/2021 đến ngày 27/10/2021.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

7. Xử phạt bị cáo **Phạm Ngọc T 01 (một)** năm **06 (sáu)** tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **03 (ba) năm**. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/3/2022).

- Căn cứ điểm c, điểm đ khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

8. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu Th1 01 (một)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Trừ cho bị cáo thời hạn tạm giam từ ngày 23/9/2021 đến ngày 27/10/2021.

Giao các bị cáo Phạm Ngọc T, Trần Quốc H, Lại Hồng Q cho Uỷ ban nhân dân xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Trần Văn Th, Dương Văn L, Trần Văn T1 cho Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật Thi hành án hình sự.

III. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu, tiêu hủy 01 bát sứ màu trắng có họa tiết màu tím; 01 đĩa sứ có họa tiết màu hồng; 04 vật hình tròn bằng giấy, đường kính 02cm, một mặt màu trắng, một mặt màu vàng; 01 chiếc chiếu cói màu nâu.

- Trả lại cho bị cáo Dương Văn L 01 ví giả da màu đen và số tiền 7.660.000đ (Bảy triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại 01 xe mô tô Honda Wave Anlpha, màu đen bạc, biển số đăng ký 22S1-355.xx cho bị cáo Trần Văn Th nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn T 01 xe mô tô Honda Wave Anlpha, màu đỏ, không gắn biển số, số khung RLHJA3924LY0494xx, số máy JA39E20522xx.

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 7.200.000đ (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Sơn Dương và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương ngày 07/01/2022).

(Số tiền trên đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương chuyển vào tài khoản số: 3949.0.1064844.00000 là tài khoản của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Sơn Dương mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Sơn Dương ngày 07/01/2022).

- Truy thu của bị cáo Phạm Ngọc T số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)

IV. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

- Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các bị cáo; Người có QL,NV liên quan;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Công an huyện Sơn Dương;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục T.H.A DS huyện Sơn Dương;
- UBND xã S, xã Đ;
- UBND xã Đ, huyện Lập Thạch;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Lê Tuấn Linh